



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Tỉnh Sơn La*

Số 36

Ngày 20 tháng 05 năm 2026

## MỤC LỤC

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### HĐND TỈNH

|            |                                                                                                                                                                                                                                                                              |    |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 05/05/2026 | Nghị quyết của HĐND tỉnh số 01/2026/NQ-HĐND ban hành Quy chế làm việc của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031                                                                                    | 3  |
| 04/05/2026 | Nghị quyết của HĐND tỉnh số 02/2026/NQ-HĐND bãi bỏ Nghị quyết số 75/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La | 40 |

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

#### HĐND TỈNH

|            |                                                                                                                                                                       |    |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 04/05/2026 | Nghị quyết của HĐND tỉnh số 12/NQ-HĐND điều chỉnh Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn giám sát theo Nghị quyết số 589/NQ-HĐND ngày 08/12/2025 của HĐND tỉnh                  | 41 |
| 04/05/2026 | Nghị quyết của HĐND tỉnh số 13/NQ-HĐND thông qua Báo cáo tổng quan về hiện trạng môi trường tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025                                         | 43 |
| 04/05/2026 | Nghị quyết của HĐND tỉnh số 14/NQ-HĐND thông qua danh mục thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh | 45 |

|            |                                                                                                                                                                                                                                                   |    |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 04/05/2026 | Nghị quyết của HĐND tỉnh số 15/NQ-HĐND điều chỉnh diện tích, thời gian thu hồi đất các dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết                                                                                                       | 49 |
| 04/05/2026 | Nghị quyết của HĐND tỉnh số 16/NQ-HĐND về việc cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025 sang năm 2026                                                                           | 53 |
| 04/05/2026 | Nghị quyết của HĐND tỉnh số 17/NQ-HĐND về việc cho phép gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án sang năm 2026 đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước không đáp ứng thời gian bố trí vốn theo quy định tại Điều 57 Luật Đầu tư công | 56 |
| 04/05/2026 | Nghị quyết của HĐND tỉnh số 18/NQ-HĐND thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung, hủy bỏ các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh năm 2026                                         | 62 |
| 04/05/2026 | Nghị quyết của HĐND tỉnh số 19/NQ-HĐND về việc sửa đổi Nghị quyết số 595/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Sơn La năm 2026                                                                        | 73 |
| 04/05/2026 | Nghị quyết của HĐND tỉnh số 20/NQ-HĐND về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn thu tiền sử dụng đất                                                                                                                                   | 74 |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 04 tháng 5 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy chế làm việc của HĐND, Thường trực HĐND,  
các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND  
tỉnh khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13;*

*Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn một số hoạt động của HĐND tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị quyết số 103/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế làm việc mẫu của HĐND tỉnh, thành phố;*

*Căn cứ Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND;*

*Xét Tờ trình số 17/TTr-PC ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-DT ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp;*

*HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về Quy chế làm việc của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh,

các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2026 đến kỳ họp thứ nhất của HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2031 - 2036.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 126/2025/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ nhất thông qua ngày 04 tháng 5 năm 2026.*

**CHỦ TỊCH**

**Lò Minh Hùng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Làm việc của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND,  
Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND  
ngày 04/5/2026 của HĐND tỉnh)*

## **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ, hình thức làm việc, quy trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, quan hệ công tác, điều kiện bảo đảm hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Các nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; Luật Tiếp công dân và các văn bản pháp luật có liên quan.

### **Điều 2. Nguyên tắc, chế độ làm việc**

1. Hoạt động của HĐND tỉnh phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, phục vụ Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân; thực hiện hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

2. HĐND tỉnh hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, bảo đảm trách nhiệm giải trình gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực. Đại biểu HĐND tỉnh bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND.

3. Thường trực HĐND tỉnh, Ban của HĐND tỉnh chịu trách nhiệm và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trước HĐND tỉnh; ban hành văn bản theo thẩm quyền và được sử dụng con dấu của HĐND tỉnh để thực hiện

nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Tổ đại biểu HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4. HĐND tỉnh giữ mối liên hệ chặt chẽ, thường xuyên với UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan hữu quan trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung kỳ họp HĐND tỉnh và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bảo đảm đúng quy định pháp luật.

## **Chương II** **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

### **Điều 3.** Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

#### **1.** HĐND tỉnh họp mỗi năm ít nhất 02 kỳ.

HĐND tỉnh quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của HĐND tỉnh (*đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ*) và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó (*đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ*) theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.

2. HĐND tỉnh họp kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND tỉnh yêu cầu.

#### **3.** Kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh

Kỳ họp thứ nhất của HĐND tỉnh khóa mới được tổ chức chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu HĐND tỉnh; trường hợp có bầu cử lại, bầu cử thêm đại biểu HĐND tỉnh hoặc lùi ngày bầu cử thì thời hạn tổ chức kỳ họp thứ nhất được tính từ ngày bầu cử lại, bầu cử thêm hoặc ngày bầu cử mới.

Kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa HĐND tỉnh do Thường trực HĐND tỉnh khóa trước triệu tập. Trường hợp khuyết Thường trực HĐND tỉnh thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định triệu tập viên để triệu tập và Chủ tọa kỳ họp HĐND tỉnh, các phiên họp của HĐND tỉnh cho đến khi HĐND bầu được Chủ tịch HĐND khóa mới.

#### **4.** Tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

Trong nhiệm kỳ, Thường trực HĐND tỉnh quyết định tổ chức kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp. Việc tổ chức kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất do Thường trực HĐND tỉnh quyết định.

Dự kiến chương trình kỳ họp HĐND tỉnh được gửi đến đại biểu HĐND tỉnh cùng quyết định triệu tập kỳ họp.

#### **5.** Hình thức tiến hành kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh

HĐND tỉnh xem xét, quyết định tổ chức kỳ họp theo hình thức trực tiếp (*bao gồm cả họp kín*), trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp với trực tuyến theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh. Các phiên họp tại kỳ họp được tiến hành công

khai, trường hợp họp kín thì thực hiện theo quy định của pháp luật và được ghi trong chương trình kỳ họp HĐND tỉnh.

#### 6. Phiên khai mạc, phiên bế mạc kỳ họp HĐND tỉnh

a) Phiên khai mạc được tổ chức vào phiên họp đầu tiên của kỳ họp HĐND tỉnh. Trước phiên khai mạc, HĐND tỉnh tổ chức họp phiên trừ bị (nếu có) để xem xét, thông qua chương trình kỳ họp và một số nội dung khác theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.

Phiên khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung chính theo trình tự: chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; phát biểu khai mạc, phát biểu chỉ đạo của cấp trên (nếu có) và một số nội dung khác theo chương trình kỳ họp đã được thông qua.

b) Phiên bế mạc được tổ chức sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình kỳ họp đã được thông qua và thực hiện theo trình tự sau: Chủ tọa kỳ họp phát biểu bế mạc, chào cờ.

#### **Điều 4.** Chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ quy định của pháp luật, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và tình hình thực tiễn địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chuyên môn rà soát các nội dung dự kiến trình tại kỳ họp.

Tại kỳ họp cuối năm trước, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ trong năm để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. Kế hoạch nêu rõ số lượng các kỳ họp thường lệ, dự kiến thời gian, nội dung của từng kỳ họp và các vấn đề khác có liên quan. Trong quá trình thực hiện, trên cơ sở kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức hữu quan, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh kế hoạch để bổ sung các kỳ họp và sửa đổi, bổ sung nội dung các kỳ họp cho phù hợp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan hữu quan để thống nhất về thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp, những vấn đề có liên quan đến kỳ họp và phân công các cơ quan chuẩn bị các nội dung, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án và thời hạn trình Hội đồng nhân dân tỉnh. Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đưa vào chương trình của kỳ họp những nội dung đã được chuẩn bị bảo đảm đúng về thẩm quyền, nội dung, thời hạn, quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền về dự kiến thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp theo quy định.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thông báo về dự kiến thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp; kế hoạch tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp (*đối với kỳ họp thường lệ*); phân công các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra các nội dung trình kỳ họp theo quy định của pháp luật và lĩnh vực phụ trách.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện ứng dụng chuyển đổi số trong điều hành, tổ chức kỳ họp và hoạt động của Hội đồng nhân dân; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chuẩn bị các tài liệu và tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu, giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện ứng dụng chuyển đổi số trong điều hành, tổ chức kỳ họp và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh; gửi các tài liệu liên quan của kỳ họp đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### **Điều 5.** Chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua chương trình kỳ họp theo trình tự sau đây:

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến chương trình kỳ họp. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa trước hoặc triệu tập viên trong trường hợp khuyết Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến chương trình kỳ họp trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa mới xem xét, quyết định.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận, cho ý kiến về dự kiến chương trình kỳ họp.

3. Chủ tọa kết luận.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua chương trình kỳ họp.

#### **Điều 6.** Trách nhiệm của Chủ tọa kỳ họp, Chủ tọa phiên họp HĐND tỉnh

1. Chủ tọa điều hành kỳ họp, các phiên họp của Hội đồng nhân dân tỉnh là Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc triệu tập viên theo quy định.

Trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh chủ tọa kỳ họp. Trường hợp khuyết Thường trực HĐND tỉnh thì Chủ tọa kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo chỉ định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chủ tọa kỳ họp, các phiên họp của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm điều hành theo trình tự quy định tại Quy chế này.

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh chủ tọa kỳ họp của Hội đồng nhân dân và có thể phân công Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh giúp điều hành các nội dung, các phiên họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### **Điều 7.** Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp

1. Tham gia đầy đủ các phiên họp, kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp không tham dự các phiên họp, kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh thì phải có lý do và báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp, đồng thời thông tin cho Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, trừ trường hợp bất khả kháng.

2. Tập trung nghiên cứu, tham gia thảo luận, góp ý kiến vào các nội dung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh và thực hiện quyền giám sát, chất vấn, biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Đeo phù hiệu, mặc trang phục lịch sự, trang trọng khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn với tư cách là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Thực hiện trả lời phỏng vấn về các nội dung thuộc phạm vi thẩm quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Sử dụng, bảo quản tài liệu kỳ họp (*bao gồm cả tài liệu mật*), nội dung phiên họp kín của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

**Điều 8.** Thành lập Tổ thảo luận tại kỳ họp và trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó, thành viên Tổ thảo luận

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định thành lập Tổ thảo luận gồm Tổ trưởng, Tổ phó và thành viên là đại biểu HĐND tỉnh để thảo luận, thống nhất về chương trình, nội dung kỳ họp.

2. Tổ trưởng Tổ thảo luận có trách nhiệm tổ chức đề đại biểu trong Tổ thực hiện chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh và các quy định khác về kỳ họp; tổ chức và điều hành hoạt động của Tổ theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong trường hợp cần thiết, Tổ trưởng Tổ thảo luận có thể đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh mời đại diện các cơ quan có liên quan tham dự phiên thảo luận của Tổ để làm rõ những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm.

3. Tổ phó, thành viên Tổ thảo luận có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng Tổ thảo luận.

**Điều 9.** Công tác thư ký kỳ họp của HĐND tỉnh

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc bộ phận được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thư ký kỳ họp, gồm các nội dung sau đây:

1. Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp.

2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.

3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại các phiên họp của kỳ họp; chịu trách nhiệm chính lý thể thức, kỹ thuật trình bày của các nghị quyết, phối hợp với lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chỉnh sửa nội dung nghị quyết theo ý kiến của các đại biểu được Chủ tọa kết luận.

4. Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin; chịu trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ kỳ họp để nộp lưu trữ đảm bảo đúng quy định.

5. Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

**Điều 10.** Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tài liệu phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh (*do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan có liên quan chuẩn bị theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh*) được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra (*qua Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh*) để gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ và theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các tài liệu được lưu hành tại kỳ họp sau khi đã báo cáo và xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Tài liệu chính thức được lưu hành bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (*trừ trường hợp thuộc bí mật nhà nước*); đối với văn bản quy phạm pháp luật thì thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm kiểm soát, ký nháy ở góc trên bên trái của đề án, báo cáo, dự thảo Nghị quyết đã được thông qua tại phiên thẩm tra của Ban và đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất tại phiên họp để trình tại kỳ họp. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm kiểm soát, ký nháy ở góc trên bên trái của đề án, báo cáo, dự thảo Nghị quyết do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể cung cấp thông tin, tài liệu khác liên quan đến nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh nếu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chế độ quản lý và việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu mời dự kỳ họp có trách nhiệm thực hiện những quy định về việc sử dụng, bảo quản tài liệu trong kỳ họp, không được tiết lộ nội dung tài liệu mật, nộp lại tài liệu mật và các văn bản quy

định phải nộp lại cho bộ phận tiếp nhận văn bản của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh vào phiên họp cuối cùng của kỳ họp.

5. Căn cứ quy định của pháp luật hoặc theo chỉ đạo của Chủ tọa kỳ họp, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành danh mục tài liệu cần thu hồi tại kỳ họp.

6. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đăng tải tài liệu kỳ họp được phép công khai trên trang thông tin điện tử của địa phương hoặc niêm yết công khai theo quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; tuyên truyền về kỳ họp, đăng tải nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trên trang thông tin điện tử của tỉnh.

7. Nghị quyết, văn bản, các tài liệu khác của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

**Điều 11.** Trình tự, thủ tục Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn tại kỳ họp

Tùy từng nội dung cụ thể mà Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo trình tự, thủ tục sau đây:

1. Đại diện cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình đề án, báo cáo, dự thảo Nghị quyết trình bày nội dung trình theo quy định hoặc theo yêu cầu của Chủ tọa kỳ họp.

2. Đại diện các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra hoặc chuẩn bị ý kiến nghiên cứu trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo nghiên cứu (nếu có).

3. HĐND thảo luận tại phiên họp toàn thể hoặc tổ chức thảo luận tại Tổ thảo luận theo đề nghị của Chủ tọa hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Khi được chủ tọa kỳ họp mời phát biểu thảo luận, đại biểu phát biểu thảo luận tối đa không quá 05 phút; không phát biểu về 01 vấn đề quá 02 lần. Trường hợp đặc biệt cần phát biểu thêm do Chủ tọa kỳ họp quyết định. Những ý kiến phát biểu thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải được ghi đầy đủ vào biên bản kỳ họp.

4. Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình đề án, báo cáo, dự thảo Nghị quyết có trách nhiệm chủ động phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, bộ phận làm nhiệm vụ thư ký kỳ họp để xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu về những nội dung liên quan được thảo luận tại phiên họp toàn thể, phiên họp tổ để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp toàn thể.

5. Việc biểu quyết thông qua dự thảo Nghị quyết, đề án, báo cáo tại phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự thảo Nghị quyết, đề án, báo cáo trình bày báo cáo giải trình, tiếp thu (nếu có).

b) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận về nội dung của dự thảo Nghị quyết, đề án, báo cáo; Chủ tọa kỳ họp xin ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về những nội dung còn có ý kiến khác nhau (*nếu có*) trước khi biểu quyết thông qua. Trường hợp dự thảo có nội dung quan trọng, phức tạp hoặc còn có ý kiến khác nhau, cần có thêm thời gian để nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý thì Chủ tọa hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xin ý kiến Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự thảo quyết định lùi thời điểm trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua dự thảo Nghị quyết, đề án, báo cáo. Việc biểu quyết có thể bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp với trực tuyến trên cơ sở đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu làm việc và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả biểu quyết. Nghị quyết kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh phải được quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành; trường hợp bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thì phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu biểu quyết tán thành.

6. Nội dung kỳ họp, các phiên họp toàn thể, phiên họp Tổ của Hội đồng nhân dân tỉnh phải được lập thành biên bản và ký xác thực theo quy định. Biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gồm biên bản phiên họp trừ bị, biên bản các phiên họp tại kỳ họp; biên bản kỳ họp do Chủ tọa kỳ họp và Thư ký kỳ họp ký tên xác thực. Biên bản phải phản ánh trung thực, đầy đủ ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp, ý kiến bằng văn bản của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 12.** Trình tự, thủ tục HĐND tỉnh xem xét, quyết định về công tác nhân sự thuộc thẩm quyền

1. Trình tự, thủ tục trình HĐND tỉnh bầu các chức danh của HĐND tỉnh được thực hiện như sau:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp khuyết Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thì Chủ tọa kỳ họp giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến giữ các chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trường hợp người tự ứng cử hoặc người được đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đề cử ngoài danh sách do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Chủ tọa kỳ họp (*trong trường hợp khuyết Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh*) giới thiệu thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Chủ tọa kỳ họp trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa kỳ họp phân công báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (nếu có).

d) Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua danh sách để bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Ban kiểm phiếu theo sự giới thiệu của Chủ tọa kỳ họp để thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu tại kỳ họp theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

e) Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh bằng hình thức bỏ phiếu kín.

g) Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu.

h) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa kỳ họp phân công trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo nghị quyết xác nhận kết quả bầu chức danh.

i) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận về dự thảo nghị quyết.

k) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa phân công báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết (nếu có).

1) Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

2. Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân tỉnh bầu các chức danh của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện như sau:

a) Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo giới thiệu của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Sau khi được bầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục giới thiệu để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Việc Hội đồng nhân dân tỉnh bầu các chức danh của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Hội thẩm nhân dân:

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trình danh sách để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Hội thẩm nhân dân.

b) Việc Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Hội thẩm nhân dân được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân tỉnh bầu thì có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu.

b) Việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm thì Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết công khai và không bầu Ban kiểm phiếu; trường hợp bãi nhiệm thì bỏ phiếu kín.

5. Việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện như sau:

a) Căn cứ đơn xin thôi làm nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh không họp thì do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

b) Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều này. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định hình thức biểu quyết; trường hợp biểu quyết công khai thì không bầu Ban kiểm phiếu.

### **Điều 13.** Hồ sơ về nhân sự trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định

1. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội thẩm nhân dân bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân tỉnh bầu các chức danh của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Hội thẩm nhân dân.

b) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Các tài liệu liên quan đến lý lịch, nhận xét, đánh giá, kết luận về nhân sự của cấp có thẩm quyền theo quy định.

d) Các tài liệu khác có liên quan do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình HĐND tỉnh xem xét cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu kèm theo đơn xin thôi giữ chức vụ, đơn xin từ chức (nếu có).

b) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu.

c) Văn bản thi hành kỷ luật (*nếu có*) hoặc ý kiến của cấp có thẩm quyền.

d) Các tài liệu khác có liên quan (*nếu có*).

3. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bao gồm:

a) Đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các tài liệu có liên quan.

b) Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bao gồm:

a) Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Văn bản thi hành kỷ luật (*nếu có*) hoặc ý kiến của cấp có thẩm quyền.

d) Văn bản ý kiến của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nơi đại biểu HĐND đó đang sinh hoạt Tổ đại biểu HĐND tỉnh (*nếu có*).

đ) Văn bản ý kiến của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nơi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đang sinh hoạt (*nếu có*).

e) Mẫu phiếu, biên bản về công tác nhân sự thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 103/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế làm việc mẫu của HĐND tỉnh, thành phố.

5. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, phục vụ Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh để chuẩn bị tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ sau.

6. Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng tờ trình và dự thảo nghị quyết đối với các chức danh của HĐND; thẩm định hồ sơ về nhân sự đối với các chức danh khác trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 14.** Trình tự xem xét lập danh mục, đăng ký xây dựng, ban hành Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh

1. UBND tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, thực tế ở địa phương, tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân qua Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh theo quy định.

2. Tờ trình đăng ký xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh nêu rõ sự cần thiết, mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; các vấn đề cụ thể xử lý mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập có nguyên nhân từ pháp luật; vấn đề mới và các nội dung cần thiết khác (*nếu có*); thời gian dự kiến trình và thông qua.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh theo lĩnh vực tham mưu, đề xuất đối với đăng ký xây dựng nghị quyết; phân công Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu, đề xuất đối với đề nghị lập danh mục. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh theo lĩnh vực có ý kiến về đăng ký xây dựng nghị quyết; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có ý kiến về đề nghị lập danh mục báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

4. Trình tự, thủ tục Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét đề nghị lập danh mục, đăng ký xây dựng nghị quyết thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

#### **Điều 15. Thông tin về kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Khi cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức họp báo hoặc giao Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh họp báo về chương trình, nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân để cung cấp thông tin về các nội dung của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin về chương trình, nội dung của kỳ họp, hoạt động của HĐND tỉnh tại kỳ họp sau khi được sự đồng ý của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; giữ mối liên hệ và chịu trách nhiệm về hoạt động của đại diện cơ quan báo chí, thông tấn tại khu vực diễn ra kỳ họp.

2. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh đăng tải công khai nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trên trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Các phiên họp của HĐND tỉnh được phát thanh, truyền hình trực tiếp (*trừ trường hợp do HĐND tỉnh quyết định*) theo chương trình kỳ họp đã được HĐND tỉnh thông qua. Thiết lập đường dây điện thoại nóng tại hội trường nơi tổ chức kỳ họp để kịp thời tiếp nhận thông tin, nội dung phản ánh, kiến nghị của cử tri.

4. Cơ quan báo chí có thể được mời tham dự và đưa tin về kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### **Điều 16. Chất vấn tại kỳ họp**

1. Hoạt động chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về hoạt động giám sát của HĐND.

HĐND tỉnh thực hiện chất vấn tại kỳ họp thường lệ giữa năm, cuối năm và các kỳ họp chuyên đề khác của HĐND tỉnh theo chương trình kỳ họp.

2. Mỗi lần chất vấn, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nêu nội dung chất vấn không quá 05 phút; người bị chất vấn trả lời chất vấn của một đại biểu không quá 7 phút; thời gian tranh luận của 01 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không quá 05 phút. Trường hợp cần thiết, Chủ tọa quyết định việc kéo dài thời gian trả lời chất vấn.

3. Theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh, HĐND tỉnh quyết định việc phát thanh, truyền hình trực tiếp phiên họp chất vấn và phải được ghi trong chương trình kỳ họp, trừ trường hợp do HĐND tỉnh quyết định.

### **Chương III**

### **THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

#### **Điều 17. Chế độ, hình thức làm việc**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh họp thường kỳ mỗi tháng 01 lần; khi cần thiết thì họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Phiên họp phải bảo đảm có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tọa phiên họp xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận tập thể và quyết định theo đa số. Các quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phải được quá nửa tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành. Trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh đã biểu quyết, kể cả trường hợp xin ý kiến bằng văn bản; thực hiện giải quyết công việc đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh; ban hành văn bản theo thẩm quyền và được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân tỉnh để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

4. Thường trực HĐND tỉnh làm việc thông qua các hình thức sau đây:

- a) Phiên họp thường kỳ, phiên họp đột xuất.
- b) Gửi xin ý kiến bằng văn bản.
- c) Hội nghị.
- d) Các đoàn công tác.
- đ) Các hình thức hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

5. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong chỉ đạo, điều hòa, phối hợp các hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 18.** Thực hiện nhiệm vụ giữa hai kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện phân cấp, ủy quyền cho Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với những nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật. Việc phân cấp, ủy quyền được thể hiện trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Trong thời gian HĐND tỉnh không họp, Thường trực HĐND tỉnh được quyết định và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất đối với các nội dung: Biện pháp giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được quyết định chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi thuộc các trường hợp đột xuất, cấp bách theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương; các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 19.** Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch HĐND tỉnh quyết định về thời gian, chương trình, nội dung, hình thức họp, thành phần họp, triệu tập và chủ tọa phiên họp Thường trực HĐND tỉnh.

2. Thường trực HĐND tỉnh phân công các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến các nội dung trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; phân công Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu, phục vụ.

3. Trường hợp cần thiết, căn cứ tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Chủ tịch HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình phiên họp.

4. Căn cứ vào chương trình phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chuẩn bị nội dung trình phiên họp theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, bảo đảm chất lượng và thời gian theo quy định.

5. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình phiên họp, ghi biên bản phiên họp; chủ trì hoàn thiện các thông báo, kết luận phiên họp, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của phiên họp.

Các văn bản, tài liệu phục vụ phiên họp được gửi đến Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh để báo cáo Thường trực HĐND tỉnh nghiên cứu trước khi tổ chức phiên họp. Các văn bản, tài liệu phục vụ phiên họp được gửi đến Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh trước 01 ngày diễn ra phiên họp để

báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và đề các Ban của HĐND tỉnh nghiên cứu trước khi tổ chức phiên họp.

6. Trình tự tiến hành phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh được thực hiện như sau:

a) Chủ tọa phiên họp phát biểu khai mạc và gợi ý những nội dung tập trung thảo luận.

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trình dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày Tờ trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án để Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến.

c) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo ý kiến nghiên cứu (*nếu có*); Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày báo cáo nghiên cứu nội dung được phân công.

d) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

đ) Đại biểu tham dự phiên họp được mời phát biểu ý kiến (*nếu có*).

e) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án phát biểu ý kiến tiếp thu, giải trình các ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau (*nếu có*).

g) Chủ tọa kết luận.

h) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết.

i) Trường hợp nội dung trình đã được các Ban, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia ý kiến bằng văn bản, căn cứ chương trình phiên họp đồng chí Chủ tọa sẽ điều hành phù hợp từng nội dung trình.

7. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định về việc mời cơ quan báo chí tham dự và đưa tin về nội dung phiên họp (*nếu có*).

**Điều 20.** Văn bản kết luận phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh

1. Căn cứ vào kết luận của Chủ tọa phiên họp, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công chủ trì thẩm tra xây dựng dự thảo thông báo kết luận của Thường trực HĐND tỉnh trình Chủ tịch HĐND tỉnh, chủ tọa phiên họp xem xét, quyết định hoặc trình Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh (*trường hợp Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh được giao chủ tọa phiên họp*) xem xét, cho ý kiến trước khi trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành văn bản thông báo kết luận gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện.

**Điều 21.** Trình tự, thủ tục Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản

1. Trường hợp không tổ chức được phiên họp (*do thiên tai, dịch bệnh hoặc tình trạng khẩn cấp khác*) hoặc tùy vào tính chất, nội dung trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (*như: quyết định số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp dưới; các văn bản tham gia góp ý, báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu trong thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh không họp, các nội dung thực hiện theo chế độ, chính sách đã có các quy định cụ thể, rõ nguồn vốn, đối tượng, phải thực hiện phân bổ vốn để bảo đảm thời gian quy định thuộc thẩm quyền quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định...*), Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan chủ trì nội dung trình quyết định việc lấy ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh bằng văn bản.

2. Hồ sơ, tài liệu trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản gồm:

a) Văn bản đề nghị hoặc Tờ trình của cơ quan trình xin ý kiến; báo cáo nghiên cứu, đề xuất của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Dự thảo nghị quyết hoặc văn bản trả lời của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về nội dung xin ý kiến; phiếu biểu quyết bằng văn bản (*nếu có*).

c) Dự thảo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (*nếu có*).

d) Các tài liệu khác có liên quan (*nếu có*).

3. Trình tự Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến bằng văn bản thực hiện như sau:

a) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh gửi hồ sơ, tài liệu trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản tới các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh để thẩm tra (*nếu cần thiết*).

b) Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu và ý kiến thẩm tra của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, nội dung đề xuất của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (*nếu có*), thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến vào dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo và phiếu biểu quyết bằng văn bản, gửi về Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh để tổng hợp.

c) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp kết quả biểu quyết bằng phiếu, ý kiến của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và gửi Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra (*nếu có*).

d) Cơ quan trình có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo.

đ) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra hoặc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện rà soát, trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh ký ban hành nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi bảo đảm điều kiện theo quy định.

**Điều 22.** Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các quy định của pháp luật có liên quan và Quy chế này.

b) Lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khai mạc, bế mạc và chủ tọa các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, bảo đảm thực hiện chương trình kỳ họp và những quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tọa điều hành các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Gọi ý các vấn đề cần tập trung thảo luận tại kỳ họp, tạo điều kiện để các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phát biểu ý kiến; bảo đảm dân chủ trong quá trình thảo luận, chất vấn và trả lời chất vấn; lấy biểu quyết về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau hoặc lấy ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn khi cần thiết.

e) Chỉ đạo việc tổng hợp các ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, cử tri và chuyển đến các cơ quan, đơn vị hữu quan giải trình những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ khi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và cử tri yêu cầu.

g) Điều hành để Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua các Nghị quyết.

h) Chủ trì họp với các cơ quan liên quan để hoàn chỉnh các Nghị quyết sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh (*nếu xét thấy cần thiết*).

i) Chỉ đạo việc đánh giá, rút kinh nghiệm về việc tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh sau mỗi kỳ họp.

k) Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng

nhân dân cấp dưới trong các trường hợp theo quy định của cấp có thẩm quyền (*điểm d khoản 1 Điều 32 Luật Tổ chức chính quyền địa phương*).

l) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh ký chứng thực Nghị quyết của HĐND tỉnh. Trong trường hợp khuyết Chủ tịch HĐND tỉnh thì Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, người được chỉ định điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (*khoản 5 Điều 32 Luật Tổ chức chính quyền địa phương*).

m) Lãnh đạo hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh, thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối liên hệ với UBND tỉnh, các cơ quan nhà nước, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức xã hội khác và Nhân dân.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; giúp Chủ tịch HĐND tỉnh điều hành biểu quyết thông qua các nghị quyết tại kỳ họp theo phân công của Chủ tịch HĐND tỉnh. Tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trường hợp khuyết Chủ tịch HĐND tỉnh thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐND tỉnh cho đến khi bầu ra Chủ tịch HĐND tỉnh.

3. Ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công; tham gia các phiên họp Thường trực HĐND tỉnh, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **Điều 23.** Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động các Ban của HĐND tỉnh

1. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong hoạt động thẩm tra các Tờ trình và dự thảo nghị quyết, báo cáo trình tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong hoạt động giám sát, khảo sát việc thực hiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; trường hợp cần thiết Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ xem xét cho ý kiến về kết quả giám sát, khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Tham dự cuộc họp của các Ban HĐND tỉnh hoặc mời các thành viên Ban của HĐND tham gia hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp các hoạt động khác của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong chỉ đạo, điều hòa, phối hợp các hoạt động của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 24.** Giữ mối liên hệ với đại biểu HĐND, Tổ đại biểu HĐND tỉnh

1. Đôn đốc các Tổ đại biểu HĐND tỉnh hoạt động theo đúng Quy chế này, tạo điều kiện cho đại biểu và Tổ đại biểu hoạt động hiệu quả. Ban hành hướng dẫn về tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chỉ đạo, đôn đốc việc tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh; theo dõi, tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của cử tri và chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân để chuyển và đôn đốc các cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiên cứu giải quyết và báo cáo kết quả giải quyết trước kỳ họp HĐND tỉnh.

3. Tổng hợp, xử lý các kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo thẩm quyền và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh khi xét thấy cần thiết.

4. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Tổ chức phổ biến, quán triệt các văn bản pháp luật và tập huấn kỹ năng hoạt động đại biểu cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân theo quy định.

7. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc chuyển sinh hoạt của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và thông báo đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và cử tri nơi đại biểu chuyển đi và nơi đại biểu chuyển đến; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

8. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 25.** Hoạt động chất vấn, giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh

1. Thường trực HĐND tỉnh quyết định nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn, thời gian chất vấn trên cơ sở chương trình phiên họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Căn cứ vào chương trình phiên họp, Thường trực HĐND tỉnh yêu cầu thành viên UBND tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh giải trình và cá nhân có liên quan tham gia giải trình vấn đề được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

3. Mỗi lần chất vấn, hoặc yêu cầu các cơ quan giải trình, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nêu vấn đề không quá 05 phút; người bị chất vấn, giải trình trả lời

yêu cầu của một đại biểu không quá 07 phút; trường hợp cần thiết, Chủ tọa phiên họp quyết định việc kéo dài thời gian trả lời chất vấn.

Chủ tọa phiên họp có quyền nhắc đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi nêu chất vấn không đúng nội dung phiên chất vấn hoặc quá thời gian quy định, người bị chất vấn trả lời không đúng trọng tâm chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc quá thời gian quy định.

4. Hoạt động chất vấn và xem xét trả lời chất vấn; giải trình tại phiên họp thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15.

**Điều 26.** Hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy định về tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Chỉ đạo việc cung cấp thông tin, tài liệu cho hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; thông tin đến cử tri kết quả giải quyết kiến nghị cử tri của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

2. Hằng năm, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Tổ đại biểu HĐND tỉnh để tổ chức cho đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp giữa năm, cuối năm của Hội đồng nhân dân; trình Hội đồng nhân dân báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương.

3. Trực tiếp tổ chức giám sát hoặc phân công các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chức năng trong việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri. Báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri đã được gửi đến Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp trước.

**Điều 27.** Hoạt động tiếp công dân, xem xét, đơn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân

1. Xây dựng Quy chế về tiếp công dân bảo đảm đúng pháp luật và phù hợp với tình hình của địa phương.

2. Thực hiện tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của tổ chức và công dân; theo dõi, đơn đốc các cơ quan chức năng giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo kiến nghị, phản ánh theo quy định.

3. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức Đoàn giám sát, khảo sát hoặc giao cho Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát, khảo sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh.

4. Định kỳ 6 tháng một lần hoặc khi cần thiết, nghe Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở địa phương báo cáo về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh do Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển đến.

**Điều 28.** Hoạt động giám sát, khảo sát

1. Trên cơ sở đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và ý kiến, kiến nghị của cử

tri và tình hình thực tế ở địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp trước kỳ họp thường lệ cuối năm của HĐND tỉnh.

Chậm nhất 07 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của HĐND tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở đề nghị của cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chậm nhất 07 ngày kể từ ngày Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan giúp việc của Hội đồng nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Đối với hoạt động giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chương trình giám sát đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề theo quy định.

4. Quyết định và tổ chức thực hiện chương trình giám sát hằng năm của mình; giao Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện một số nội dung trong chương trình giám sát và báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng nhân dân; trường hợp cần thiết do yêu cầu của thực tiễn, quyết định điều chỉnh chương trình giám sát.

5. Căn cứ chương trình giám sát của mình hoặc khi được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, Thường trực HĐND tỉnh quyết định thành lập Đoàn giám sát để tiến hành giám sát chuyên đề. Việc giám sát của Đoàn giám sát phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến các hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

6. Chỉ đạo, tổ chức việc giám sát tại các kỳ họp thông qua xem xét các báo cáo, đề án, tờ trình và xem xét việc trả lời chất vấn của người bị chất vấn.

Kiểm tra, đôn đốc hoặc tổ chức giám sát các cơ quan liên quan trả lời các ý kiến chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh được nêu tại kỳ họp trước nhưng chưa được giải trình hoặc đã có lời hứa thực hiện trước Hội đồng nhân dân tỉnh.

7. Xem xét việc thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về giám sát, báo cáo về kiến nghị giám sát của Thường trực HĐND tỉnh, Ban của HĐND đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định tại Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15.

8. Khi xét thấy cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức Đoàn công tác để khảo sát, thu thập thông tin phục vụ hoạt động giám sát theo quy định của Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15.

**Điều 29.** Tham gia công tác xây dựng pháp luật

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức lấy ý kiến tham gia vào dự án luật, dự án pháp lệnh và các văn bản khác theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan Trung ương và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

**Điều 30.** Phê chuẩn và cho thôi làm Phó Trưởng Ban, Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp dưới; trong thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh không họp, phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức theo nguyện vọng đối với người được Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh; quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Theo đề nghị của Trưởng Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng Ban, Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh cấp dưới; trong thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh không họp, phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức theo nguyện vọng đối với người được Hội đồng nhân dân tỉnh bầu nếu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ, cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh do chuyển công tác khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong một số trường hợp theo quy định tại Điều 38 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng tờ trình và dự thảo nghị quyết đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; thẩm định hồ sơ về nhân sự đối với các chức danh khác trình Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh (*trừ khoản 4 Điều này*).

4. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng tờ trình và dự thảo nghị quyết trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh cấp dưới.

**Điều 31.** Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định danh sách những người được lấy phiếu tín nhiệm và thông qua Nghị quyết xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ

tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện quy trình, trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm.

**Điều 32.** Chế độ thông tin, báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thực hiện chế độ báo cáo của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện chế độ thông tin đến Nhân dân, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử về tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; về việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

3. Thường trực HĐND tỉnh yêu cầu các cơ quan cung cấp thông tin phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Thường trực HĐND tỉnh quyết định về thẩm quyền, nội dung phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí trước mỗi lần họp báo (nếu có). Người phát ngôn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh về nội dung phát ngôn và thông tin cung cấp cho báo chí.

## **Chương IV** **CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

**Điều 33.** Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công theo quy định tại khoản 5 Điều 35 Quy chế này; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh về những nhiệm vụ được phân công.

2. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công; căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, tự mình hoặc theo đề xuất của cơ quan, tổ chức, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, có trách nhiệm đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Thẩm tra báo cáo, tờ trình và các dự thảo nghị quyết, đề án trình kỳ họp liên quan đến lĩnh vực phụ trách của Ban do Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công và gửi báo cáo kết quả thẩm tra đến Thường trực HĐND tỉnh, đồng thời gửi đến cơ quan trình chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh đối với báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy phạm pháp luật và báo cáo thẩm tra về các nội dung khác.

4. Tham gia xây dựng Kế hoạch, Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh; xây dựng Kế hoạch, Chương trình giám sát của Ban. Tổ chức hoạt động giám sát, khảo sát các nội dung thuộc lĩnh vực; thực hiện theo chương trình hoạt động giám sát đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và kế hoạch, chương trình giám sát của Ban.

5. Kiến nghị với Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách của Ban.

6. Cử thành viên Ban tham gia đoàn công tác, giám sát, khảo sát theo chương trình, kế hoạch của Ban hoặc theo chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Khi xét thấy cần thiết, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức Đoàn công tác để khảo sát, thu thập thông tin phục vụ hoạt động giám sát theo quy định của Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15.

7. Thực hiện nhiệm vụ khác theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

#### **Điều 34. Chế độ, hình thức làm việc**

1. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; thực hiện giải quyết công việc đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (*báo cáo định kỳ hoặc đột xuất*); ban hành văn bản và được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân tỉnh để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Ban của HĐND tỉnh làm việc thông qua hình thức tổ chức phiên họp thường kỳ, phiên họp đột xuất, gửi xin ý kiến bằng văn bản, tổ chức hội nghị, tổ chức các đoàn công tác và các hình thức hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Căn cứ Quy chế này, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc cụ thể của ban, phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên Ban bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế này.

5. Căn cứ chương trình tổ chức kỳ họp, chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng chương trình công tác quý, sáu tháng và hằng năm.

6. Các Ban của HĐND tỉnh họp ít nhất mỗi quý một lần để kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác của Ban và xây dựng kế hoạch công tác quý tiếp theo. Trường hợp cần thiết tổ chức họp Ban để thẩm tra các nội dung theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh hoặc để giải quyết các công việc của Ban.

7. Định kỳ hằng tháng, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, Ủy viên chuyên trách của Ban trao đổi, thống nhất để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban và xây dựng kế hoạch công tác tháng tiếp theo; hội ý để thẩm tra các nội dung theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và giải quyết các công việc của Ban khi cần thiết.

8. Định kỳ sáu tháng, một năm, báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi báo cáo tại kỳ họp giữa năm và kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 35. Phạm vi, lĩnh vực phụ trách của các Ban của HĐND tỉnh**

Các Ban của HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo lĩnh vực cụ thể như sau:

1. Ban Pháp chế của HĐND tỉnh phụ trách các lĩnh vực: tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật; tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương; Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng chống ma túy; thực hiện việc tự kiểm tra văn bản của HĐND tỉnh; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh phụ trách các lĩnh vực: giáo dục, y tế, lao động, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao, du lịch, khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở địa phương; Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển; Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá.

3. Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh phụ trách các lĩnh vực: quy hoạch, kế hoạch, tài chính, ngân sách, đầu tư và thực hiện liên kết vùng; thương mại, dịch vụ, công nghiệp, xây dựng, giao thông, phát triển hạ tầng nông thôn; đất đai, tài nguyên, môi trường trên địa bàn tỉnh.

4. Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực dân tộc; tôn giáo; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nông, lâm, ngư nghiệp; Đề án 666 và các dự án liên quan sắp xếp dân cư; phát triển đường giao thông nông thôn theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương và tình hình hoạt động các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết phân công nhiệm vụ Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng thời chỉ đạo, điều hòa nhiệm vụ cụ thể của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh bảo đảm bao quát các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật và phù hợp thực tiễn của địa phương. Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh phân công nhiệm vụ các Ban cho phù hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 36.** Trình tự, thủ tục thẩm tra đề án, báo cáo, dự thảo Nghị quyết của các Ban của HĐND tỉnh

1. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp của HĐND tỉnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự thảo Nghị quyết, đề án, báo cáo phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo đến Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết, đề án, báo cáo gửi thẩm tra được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các quy định khác có liên quan và theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh theo lĩnh vực được phân công thẩm tra, chủ trì phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức phiên họp để thẩm tra Nghị quyết, đề án, báo cáo theo trình tự sau đây:

a) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự thảo Nghị quyết, đề án, báo cáo trình bày.

b) Đại diện Ban trình bày báo cáo thẩm tra hoặc ý kiến của Ban (nếu có).

c) Thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phát biểu ý kiến.

d) Đại diện cơ quan, tổ chức hữu quan phát biểu ý kiến.

đ) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo phát biểu ý kiến tiếp thu, giải trình (nếu có).

e) Các Ban thảo luận (nếu có).

g) Chủ tọa phiên họp kết luận.

h) Tập thể Ban biểu quyết.

3. Ban chủ trì thẩm tra chịu trách nhiệm về quá trình chuẩn bị nội dung, tham gia ý kiến thẩm tra, tổng hợp và chịu trách nhiệm về chất lượng báo cáo thẩm tra do Ban chủ trì thẩm tra. Các Ban tham gia phối hợp thẩm tra chịu trách nhiệm về các ý kiến tham gia phối hợp thẩm tra. Báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm tra về những vấn đề thuộc nội dung thẩm tra được thực hiện theo quy định pháp luật; được gửi đến Thường trực HĐND tỉnh chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh, đồng thời phải gửi đến cơ quan trình dự thảo Nghị quyết, đề án, báo cáo.

**Điều 37.** Việc tổ chức phiên họp toàn thể Ban của HĐND tỉnh và việc xem xét, cho ý kiến bằng văn bản

1. Trưởng Ban của HĐND tỉnh quyết định triệu tập phiên họp toàn thể để xem xét, thảo luận, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền hoặc các nội dung theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh; phân công Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban dự thảo nội dung trình phiên họp toàn thể của Ban hoặc chuẩn bị ý kiến của Ban trả lời các cơ quan.

2. Trình tự tổ chức phiên họp toàn thể Ban của HĐND tỉnh được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 2 Điều 36 của Quy chế này.

3. Căn cứ kết luận phiên họp toàn thể của Ban, Trưởng Ban phân công Phó Trưởng Ban hoặc Ủy viên của Ban chủ trì phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn thiện dự thảo các văn bản đã cho ý kiến tại phiên họp theo thẩm quyền, trình Trưởng Ban xem xét, quyết định.

4. Trường hợp không tổ chức được phiên họp toàn thể Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh (*do thiên tai, dịch bệnh hoặc tình trạng khẩn cấp khác*) hoặc tùy vào tính chất, nội dung, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc xin ý kiến bằng văn bản. Trình tự, thủ tục Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến bằng văn bản được thực hiện như sau:

a) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phân công Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban nghiên cứu, xây dựng dự thảo văn bản của Ban.

b) Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban được giao nhiệm vụ nghiên cứu gửi hồ sơ, tài liệu, phiếu xin ý kiến để các thành viên của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến và biểu quyết bằng văn bản.

c) Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được giao nhiệm vụ nghiên cứu tổng hợp ý kiến, biểu quyết của thành viên Ban, hoàn thiện dự thảo văn bản và báo cáo Trưởng Ban xem xét quyết định ký ban hành.

d) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh ký văn bản của Ban gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan.

đ) Cơ quan trình có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo (*nếu có*).

### **Điều 38. Trách nhiệm của Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và các Ủy viên**

#### **1. Trách nhiệm của Trưởng Ban:**

a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban theo quy định của pháp luật có liên quan thuộc lĩnh vực Ban phụ trách, các nhiệm vụ được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

b) Phụ trách chung, chỉ đạo, điều hành công việc của Ban; chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về hoạt động của Ban; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban.

c) Thay mặt Ban trình bày báo cáo trước HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh.

d) Cung cấp thông tin về hoạt động của Ban cho các cơ quan báo chí (*nếu có yêu cầu*).

đ) Xử lý văn bản đi, đến của Ban.

e) Ký văn bản của Ban.

#### **2. Trách nhiệm của Phó Trưởng Ban:**

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Trưởng Ban.

b) Chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban; khi Trưởng ban đi vắng, Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền bằng văn bản điều hành các hoạt động của Ban, chịu trách nhiệm cá nhân trước Trưởng Ban và Ban về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công và ủy quyền.

c) Ký các văn bản của Ban theo phân công của Trưởng Ban.

### 3. Trách nhiệm của Ủy viên:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban.

b) Chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban; chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban phân công.

## Chương V

### ĐẠI BIỂU HĐND VÀ TỔ ĐẠI BIỂU HĐND TỈNH

#### Điều 39. Trách nhiệm của đại biểu HĐND tỉnh

1. Tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh; trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do chính đáng thì Thường trực HĐND tỉnh phải báo cáo HĐND để bãi nhiệm đại biểu HĐND tỉnh đó (*Khoản 2 Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương*).

2. Đeo phù hiệu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi tham dự kỳ họp, phiên họp và khi thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân; trường hợp bị mất hoặc vì lý do khác, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm liên hệ với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh để giải quyết.

3. Nghiên cứu dự kiến nội dung, chương trình và tài liệu kỳ họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi; tham gia ý kiến, kiến nghị các nội dung thuộc trách nhiệm của đại biểu, ý kiến của đại biểu được gửi đến Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh để tổng hợp và gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xử lý theo quy định. Thực hiện quy định về sử dụng, bảo quản tài liệu trong kỳ họp; không được tiết lộ nội dung tài liệu mật, nội dung phiên họp kín của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật và Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Tham gia thảo luận và biểu quyết chương trình kỳ họp, phiên họp, các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh; thảo luận ở Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, tại hội trường.

5. Tiếp công dân theo quy định của pháp luật về tiếp công dân, Quy chế tiếp công dân của Thường trực HĐND tỉnh và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Tham gia hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh khi có yêu cầu, đề nghị.

7. Liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật. Thực hiện chế độ tiếp xúc cử tri theo kế hoạch của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, trường hợp vắng phải được Tổ trưởng đồng ý. Mỗi năm một lần đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả hoạt động của đại biểu và của Hội đồng nhân dân tỉnh với cử tri nơi mình là đại biểu, trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri tại hội nghị tiếp xúc cử tri ngay sau kỳ họp cuối năm. Thực hiện nhiệm vụ của Tổ đại biểu hoặc theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

8. Tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết, Chỉ thị, Quy định của cấp ủy, chính quyền các cấp. Tham dự đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ dành riêng cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### **Điều 40. Quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Chất vấn Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên UBND tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và yêu cầu những người này trả lời về trách nhiệm của mình đối với vấn đề được chất vấn (*Khoản 7 Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương*).

2. Giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương; Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở địa phương; Giám sát nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền đề xuất sáng kiến xây dựng chính sách ở địa phương; gửi kiến nghị bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong đó nêu rõ lý do, nội dung kiến nghị để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, kiến nghị tổ chức kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất, phiên họp kín của Hội đồng nhân dân tỉnh và kiến nghị những vấn đề khác mà đại biểu Hội đồng nhân dân thấy cần thiết. Có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết những vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp (*Khoản 5 Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương*).

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách những người ứng cử.

5. Yêu cầu các cơ quan nhà nước, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

6. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó khi đại biểu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

7. Được hưởng quyền miễn trừ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định; được cấp hoạt động phí hằng tháng và được hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động đại biểu theo quy định.

8. Đề nghị thôi làm nhiệm vụ đại biểu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể thực hiện được nhiệm vụ đại biểu.

9. Khi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển công tác hoặc nơi cư trú đến địa phương khác trong tỉnh thì đại biểu gửi đơn chuyển sinh hoạt đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định.

#### **Điều 41. Trách nhiệm của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các quy định pháp luật có liên quan và theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Căn cứ Quy chế này, các Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc cụ thể của Tổ đại biểu, phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên Tổ đại biểu bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chương trình hoạt động giám sát, kế hoạch tổ chức kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh và chương trình hoạt động hằng quý, 6 tháng, năm của Thường trực HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh xây dựng chương trình công tác, trong đó nêu rõ nội dung chương trình hoạt động giám sát, chương trình tổ chức họp Tổ đại biểu để tham gia ý kiến vào các văn bản trình kỳ họp và chương trình tổ chức tiếp xúc cử tri.

3. Thực hiện giám sát về các vấn đề do Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương khi được Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giao; báo cáo kết quả giám sát để HĐND tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Khi được HĐND tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giao, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức hoạt động giám sát. Căn

cứ nội dung vấn đề được giao, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch giám sát, đề cương báo cáo giám sát và thông báo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất 10 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành giám sát.

5. Tổ chức cho đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định. Xây dựng kế hoạch, tổ chức cho đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc với cử tri, thu thập và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ; tổ chức đề đại biểu HĐND tỉnh báo cáo với cử tri về kết quả kỳ họp sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Chủ động xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch họp Tổ đại biểu để nghiên cứu thảo luận tham gia đóng góp ý kiến vào các báo cáo, dự thảo Nghị quyết và các văn bản liên quan trình kỳ họp theo hướng dẫn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; phân công đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh của Tổ nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị ý kiến chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

Mời Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã dự họp Tổ đại biểu HĐND tỉnh và tham gia ý kiến về các vấn đề có liên quan.

7. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể thảo luận, thống nhất nêu câu hỏi về những vấn đề quan tâm và cử đại diện của Tổ đại biểu nêu câu hỏi chất vấn để yêu cầu tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trả lời, giải trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

8. Cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phải được ghi thành biên bản; báo cáo kết quả họp Tổ đại biểu được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

9. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh họp để kiểm điểm và xếp loại hoạt động của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời gửi cơ quan, tổ chức nơi đại biểu công tác.

10. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, chữ ký của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ sở xác nhận tính pháp lý của văn bản do Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân tỉnh khi tiến hành các hoạt động giám sát.

#### **Điều 42. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND**

1. Trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Điều hành và chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Tổ đại biểu HĐND tỉnh trước Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh.

b) Chủ trì điều hành các phiên họp Tổ; thay mặt Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ký các văn bản của Tổ; các hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Phân công đại biểu tham gia hoạt động giám sát của Tổ đại biểu và tham gia

đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi giám sát tại địa bàn nơi đại biểu ứng cử. Lập nhu cầu sử dụng và hoàn thiện thủ tục, chứng từ thanh quyết toán kinh phí hoạt động của Tổ đại biểu gửi Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.

Chậm nhất ngày 20 của tháng cuối quý, báo cáo kết quả hoạt động của Tổ đại biểu và đại biểu với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để theo dõi, tổng hợp và báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Thường xuyên giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan. Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh được mời tham dự kỳ họp HĐND tỉnh, phiên họp UBND cấp xã nơi ứng cử (*hoặc phân công Tổ phó dự thay*).

2. Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, giúp việc cho Tổ trưởng, có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khi được Tổ trưởng phân công và được ủy quyền khi Tổ trưởng vắng mặt. Tổng hợp xây dựng dự thảo các văn bản và ghi biên bản các cuộc họp của Tổ đại biểu.

## **Chương VI**

### **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

**Điều 43.** Mối quan hệ với các cơ quan Trung ương, UBND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh, HĐND cấp xã, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân khu vực và cùng cấp

#### **1. Mối quan hệ với các cơ quan Trung ương**

a) Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối liên hệ thường xuyên và chịu sự giám sát, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giữ mối liên hệ chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và các cơ quan có liên quan, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt trong hoạt động của hệ thống cơ quan dân cử từ Trung ương đến địa phương.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp và tạo điều kiện cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các ban, ngành Trung ương khi làm việc ở địa phương.

2. Mối quan hệ với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, HĐND cấp xã, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân khu vực và cùng cấp.

a) Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp, trao đổi thông tin với Đoàn đại biểu Quốc hội trong các hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát, xây dựng pháp luật. Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội được mời tham dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, tham gia đoàn khảo sát, giám sát tại địa phương.

b) Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp trong việc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện tiếp xúc cử tri và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri theo quy định và các công việc khác có liên quan theo quy định pháp luật.

c) Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân khu vực và cùng cấp, phối hợp trong việc trao đổi, cung cấp thông tin có liên quan phục vụ hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối quan hệ công tác với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trong chuẩn bị và tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát, khảo sát, phối hợp giải quyết công việc giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo Quy chế phối hợp giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh. Giữ mối quan hệ công tác với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy (*Ban Tổ chức, Ban Nội chính, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Văn phòng Tỉnh ủy*) trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền.

đ) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh xây dựng Quy chế trong thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế của tỉnh.

e) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh theo dõi, đánh giá, xếp loại hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và tạo điều kiện để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ.

g) Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với HĐND cấp xã trong hoạt động khảo sát, giám sát, tiếp xúc cử tri tại địa phương; tổ chức các hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng nhân dân; phối hợp trong công tác bồi dưỡng kỹ năng hoạt động của đại biểu dân cử; kiểm soát, giám sát nghị quyết do Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành. Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

h) Các Ban HĐND tỉnh: Phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp HĐND tỉnh, dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh, giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh về các lĩnh vực do Ban phụ trách. Tham dự các cuộc họp của UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh để bàn về những vấn đề có

liên quan (*khi được mời*). Tham gia các đoàn khảo sát, giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, Thường trực HĐND cấp xã và các Ban Hội đồng nhân dân cấp xã (*khi được mời*). Phối hợp với Hội đồng nhân dân cấp xã trong hoạt động khảo sát, giám sát tại địa phương; tổ chức các hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; giám sát nghị quyết do Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

i) Các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan để tổ chức họp Tổ đại biểu, tổ chức hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và thực hiện các nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật và theo Quy chế này. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tổ chức cho đại biểu tiếp xúc cử tri nơi đại biểu được bầu; xây dựng chương trình hợp lý để các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong Tổ được tham gia đầy đủ các Hội nghị tiếp xúc cử tri.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG**

**Điều 44.** Kinh phí, chế độ chính sách và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của HĐND tỉnh

Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh được bảo đảm từ nguồn ngân sách địa phương. Các chế độ, chính sách thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chế độ chi đảm bảo điều kiện hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Sơn La.

Thành viên của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bố trí các điều kiện để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật hiện hành.

## **Chương VIII**

### **TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**

**Điều 45.** Trách nhiệm thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, bảo đảm việc thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định mới của Trung ương và tình hình thực tế của địa phương, Thường trực HĐND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh quyết định./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 04 tháng 05 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Bãi bỏ Nghị quyết số 75/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 292/TTr-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2026;*

*UBND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 75/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.*

**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ văn bản**

Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 75/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 5 năm 2026.

**CHỦ TỊCH****Lò Minh Hùng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 04 tháng 5 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Điều chỉnh Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn giám sát theo  
Nghị quyết số 589/NQ-HĐND ngày 08/12/2025 của HĐND tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND số 121/2025/QH15;*

*Xét đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031  
tại Tờ trình số 08/TTr-TTHĐND ngày 04 tháng 5 năm 2026 và kết quả biểu quyết  
tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn giám sát theo Nghị quyết số 589/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh về thành lập Đoàn giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 trong việc thực hiện sắp xếp tài sản nhà, đất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy và việc thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng nguồn vốn ngoài ngân sách; như sau:

1. Ông Vi Đức Thọ - Phó Chủ tịch Thường trực HĐND tỉnh: Trưởng đoàn.
2. Ông Quàng Văn Dũng - Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh: Phó Trưởng đoàn.
3. Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 589/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh về thành lập Đoàn giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 trong việc thực hiện sắp xếp tài sản nhà, đất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy và việc thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng nguồn vốn ngoài ngân sách.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Thường trực HĐND tỉnh, Đoàn giám sát theo Nghị quyết số 589/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp chuyên đề thứ nhất thông qua ngày 04 tháng 5 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày được thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Lò Minh Hùng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/NQ-HĐND

*Sơn La, ngày 04 tháng 5 năm 2026*

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Báo cáo tổng quan về hiện trạng môi trường  
tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 146/2025/QH15;*

*Xét Tờ trình số 303/TTr-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh;  
Báo cáo thẩm tra số 31/BC-KTNS ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế -  
Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo tổng quan về hiện trạng môi trường tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025. Đề nghị UBND tỉnh tiếp thu các ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, ý kiến thảo luận của các vị đại biểu để hoàn thiện và ban hành theo quy định, cụ thể:

1. Đánh giá cụ thể khu vực có dấu hiệu suy giảm chất lượng môi trường, các nguồn tác động chính, mức độ ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống dân cư.

2. Bổ sung làm rõ các tồn tại, điểm nghẽn, địa bàn còn khó khăn trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; làm rõ các khu vực, loại chất thải có nguy cơ gây tác động xấu đến môi trường để định hướng các giải pháp trọng tâm trong thời gian tới.

3. Làm rõ hiện trạng mạng lưới các trạm, vị trí quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh; đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu quản lý về bảo vệ môi trường, cung cấp thông tin chất lượng môi trường nền và môi trường tác động tại các khu vực trên địa bàn tỉnh.

4. Đánh giá làm rõ phương pháp tính tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

5. Bổ sung đánh giá hiện trạng và giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường tại một số khu vực, cụ thể: hiện trạng ô nhiễm môi trường tại các bãi tập kết vật liệu (*cát, đá, sỏi...*); hiện trạng ô nhiễm nguồn nước dưới đất tại khu vực cao nguyên Mộc Châu do hoạt động chăn nuôi bò sữa; hiện trạng ô nhiễm mùi không khí do hoạt động chăn nuôi bò sữa ảnh hưởng đến đời sống người dân và phát triển

du lịch; thực trạng các khu chôn lấp rác “hở” không hợp vệ sinh gây ô nhiễm sang các vùng lân cận; giải pháp huy động, bố trí nguồn vốn ưu tiên cho các dự án quan trọng về bảo vệ môi trường trong thời gian tới.

6. Trên cơ sở các nội dung đánh giá về hiện trạng, các nhóm sức ép, quản lý chất thải rắn, tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và công tác quản lý nhà nước về môi trường, tiếp tục rà soát, hoàn thiện, bảo đảm thống nhất với giải pháp bảo vệ môi trường; theo đó, mỗi tồn tại, hạn chế lớn cần có nhóm giải pháp tương ứng, rõ trọng tâm, rõ thứ tự ưu tiên, có tính khả thi, gắn với trách nhiệm tổ chức thực hiện của từng cơ quan, đơn vị và phù hợp với yêu cầu quản lý môi trường của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ nhất thông qua ngày 04 tháng 5 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Lò Minh Hùng**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 04 tháng 5 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua danh mục thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;*

*Căn cứ Luật nhà ở số 27/2023/QH15;*

*Căn cứ Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15;*

*Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội.*

*Xét Tờ trình số 309/Tr-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-KTNS ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua danh mục thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Sơn La, gồm:

1. Dự án xây dựng công trình giao thông (Khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai 2024): gồm 02 dự án trên địa bàn xã Chiềng Sơ, xã Mường Bú, tỉnh Sơn La.

2. Dự án tái định cư (Khoản 21 Điều 79 Luật Đất đai 2024): gồm 01 dự án trên địa bàn xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La.

3. Dự án xây dựng cơ sở văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (Khoản 14 Điều 79 Luật Đất đai 2024): gồm 01 dự án trên địa bàn phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

4. Dự án hoạt động khai thác khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (*Khoản 25 Điều 79 Luật Đất đai 2024*): gồm 01 dự án trên địa bàn xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La.

*(có Biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ nhất thông qua ngày 04 tháng 5 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Lò Minh Hùng**

**DANH MỤC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN PHÁT TRIỂN  
KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG**  
(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

| STT | Danh mục dự án                                                                                                               | Địa điểm       | Diện tích thu hồi | Trường hợp thu hồi đất theo Điều 79 Luật Đất đai 2024 | Sự phù hợp dự án với Quy hoạch                                  | Văn bản chủ trương đầu tư dự án                                                                                        |                                        |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
|     |                                                                                                                              |                |                   |                                                       |                                                                 | Số Văn bản, cơ quan ban hành                                                                                           | Nguồn vốn                              |
| 1   | Dự án cầu qua Sông Mã bản Pe Tiến (Cầu Phiêng Pe), xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La                                                 | Xã Chiềng Sơ   | 15.408,50         | Khoản 1 Điều 79                                       | Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh         | Quyết định số 3346/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh                                                               | Ngân sách Trung ương và NS tỉnh        |
| 2   | Dự án Công trình Bố trí sắp xếp dân cư khẩn cấp vùng thiên tai bản Sông Hạ, xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La                        | Xã Chiềng Sơ   | 56.330,70         | Khoản 21 Điều 79                                      | Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của UBND xã Chiềng Sơ | Quyết định số 2448/QĐ-UBND ngày 27/9/2025; Quyết định số 2627/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh;                   | Ngân sách tỉnh và NS hỗ trợ Trung ương |
| 3   | Dự án Sân lễ hội Đền thờ vua Lê Thái Tông, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La                                                       | Phường Tô Hiệu | 4.883,00          | Khoản 14 Điều 79                                      | Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của UBND tỉnh         | Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh                                                                | Ngân sách tỉnh                         |
| 4   | Dự án khai thác mỏ đá bazan làm phụ gia xi măng khu vực bản Pá Đông, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn (nay là xã Tà Hộc), tỉnh Sơn La | Xã Tà Hộc      | 101.700,00        | Khoản 25 Điều 79                                      | Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh         | Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh; Giấy phép 128/GP-BTNMT ngày 16/4/2024 của Bộ trưởng Bộ TN&MT | Nhà đầu tư                             |

| STT | Danh mục dự án                                                                    | Địa điểm    | Diện tích thu hồi | Trường hợp thu hồi đất theo Điều 79 Luật Đất đai 2024 | Sự phù hợp dự án với Quy hoạch                          | Văn bản chủ trương đầu tư dự án                                   |                                                        |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
|     |                                                                                   |             |                   |                                                       |                                                         | Số Văn bản, cơ quan ban hành                                      | Nguồn vốn                                              |
| 5   | Đường giao thông bản Buôi đến bản Chom Cọ (xã Tạ Bú cũ), xã Mường Bú, tỉnh Sơn La | Xã Mường Bú | 84.500,00         | Khoản 1 Điều 79                                       | Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh | Quyết định số 2800/QĐ-UBND ngày 10/11/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh | NS Trung ương thực hiện Chương trình MTQG vùng DTTS&MN |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 04 tháng 5 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Điều chỉnh diện tích, thời gian thu hồi đất các dự án  
đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;*

*Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;*

*Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15;*

*Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế,  
chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số  
254/2025/QH15 của Quốc hội.*

*Xét Tờ trình số 308/Tr-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh;  
Báo cáo thẩm tra số 31/BC-KTNS ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế -  
Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh diện tích, thời gian thu hồi đất các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết

1. Điều chỉnh thời gian thu hồi đất Dự án trường Phổ thông Dân tộc nội trú Sông Mã thuộc địa bàn xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã (nay là xã Sông Mã) đã được thông qua tại Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2022 và Nghị quyết số 472/NQ-HĐND ngày 21 tháng 3 năm 2025 của HĐND tỉnh.

2. Điều chỉnh diện tích, thời gian thu hồi đất Dự án chỉnh trang đô thị tiểu khu 1 thị trấn Yên Châu, khu dân cư nông thôn xã Viêng Lán, huyện Yên Châu (nay là xã Yên Châu, tỉnh Sơn La) đã được thông qua tại Nghị quyết số 198/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2020, Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của HĐND tỉnh.

3. Điều chỉnh thời gian thu hồi đất Dự án Đường từ Quốc lộ 6 qua tiểu khu Vườn Đào, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thuông Công, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ (*nay thuộc phường Vân Sơn và xã Vân Hồ*) đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 273/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2021.

4. Điều chỉnh thời gian thu hồi đất Dự án Nâng cấp tuyến đường 26/7 đi tiểu khu 77, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu (*nay là phường Thảo nguyên*) đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021, Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024.

*(có Biểu chi tiết kèm theo)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ nhất thông qua ngày 04 tháng 5 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Lò Minh Hùng**



| STT | Danh mục dự án                                                                                                                              | Địa điểm thực hiện dự án           | Nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua                                                 |                       | Nội dung điều chỉnh  |                |                                  |                                                           | Văn bản về chủ trương đầu tư dự án              |                |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|
|     |                                                                                                                                             |                                    | Số Nghị quyết                                                                     | Diện tích thu hồi đất | Điều chỉnh diện tích |                | Điều chỉnh thời gian thu hồi đất | Trường hợp thu hồi đất theo Điều 79 Luật Đất đai năm 2024 | Số Văn bản, cơ quan ban hành                    | Nguồn vốn      |
|     |                                                                                                                                             |                                    |                                                                                   |                       | Diện tích điều chỉnh | Tăng, giảm (-) |                                  |                                                           |                                                 |                |
| 3   | Dự án đường từ Quốc lộ 6 qua tiểu khu Vườn Đào, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thuông Cuông, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ | Phường Vân Sơn, xã Vân Hồ          | 273/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND tỉnh                                          | 44.000,00             |                      |                | Năm 2026                         | Khoản 1 Điều 79                                           | 924/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của UBND tỉnh Sơn La | Ngân sách tỉnh |
| 4   | Nâng cấp tuyến đường 26/7 đi tiểu khu 77, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu (phường Thảo Nguyên)                                | Phường Thảo Nguyên, phường Vân Sơn | 24/NQ-HĐND ngày 10/8/2021; 193/NQ-HĐND ngày 02/6/2023; 308/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 | 101.300,00            |                      |                | Năm 2026                         | Khoản 1 Điều 79                                           | 690/QĐ-UBND ngày 19/3/2026 của UBND tỉnh        | Ngân sách tỉnh |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 04 tháng 5 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025 sang năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đầu tư công đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ;*

*Xét Tờ trình số 307/TTr-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-KTNS ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025 sang năm 2026 như sau:

1. Tổng số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2025 sang năm 2026: 8.503,345 triệu đồng để triển khai thực hiện dự án Đường tỉnh 113 (đoạn Phiêng Phụ - thị trấn Sông Mã), huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

*(chi tiết tại Biểu kèm theo)*

2. Thời gian cho phép kéo dài thực hiện và giải ngân: Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XVI, kỳ họp chuyên đề thứ nhất thông qua ngày 04 tháng 5 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Lò Minh Hùng**

DANH MỤC DỰ ÁN CHO PHÉP KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN,  
GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN NGÂN SÁCH  
TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 SANG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 04/5/2026 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

| TT | Danh mục dự án                                                                           | Chủ đầu tư                                                                                     | Quyết định đầu tư                                |                                      |                   | KH và giải ngân<br>kế hoạch vốn giao<br>năm 2025 |                                               | Kế hoạch<br>năm 2025<br>để nghị<br>xem xét<br>kéo dài thời<br>gian thực<br>hiện sang<br>năm 2026 | Ghi chú                                                                                                                                               |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                          |                                                                                                | Số Quyết<br>định ngày,<br>tháng, năm<br>ban hành | TMDT                                 |                   | Kế hoạch<br>vốn đầu<br>tư năm<br>2025            | Kết quả giải<br>ngân đến<br>hết<br>31/01/2026 |                                                                                                  |                                                                                                                                                       |
|    |                                                                                          |                                                                                                |                                                  | Tổng số<br>(tất cả các<br>nguồn vốn) | Trong đó:<br>NSTW |                                                  |                                               |                                                                                                  |                                                                                                                                                       |
|    | TỔNG SỐ                                                                                  |                                                                                                | 112.993                                          | 112.993                              | 21.379            | 12.875,655                                       | 8.503,345                                     |                                                                                                  |                                                                                                                                                       |
| i  | Dự án thuộc đối<br>tượng quy định tại<br>điểm c, Khoản 2,<br>Điều 72 Luật Đầu<br>tư công |                                                                                                | 112.993                                          | 112.993                              | 21.379            | 12.875,655                                       | 8.503,345                                     |                                                                                                  |                                                                                                                                                       |
| 1  | Đường tỉnh 113<br>(đoạn Phiêng Phụ -<br>Thị trấn Sông Mã)<br>huyện Sông Mã               | Ban QLDA<br>ĐTXD Sông Mã<br>thuộc Ban<br>QLDA ĐTXD<br>các công trình<br>nông nghiệp và<br>PTNT | 1085<br>31/5/2021                                | 112.993                              | 112.993           | 21.379                                           | 12.875,655                                    | 8.503,345                                                                                        | Dự án được bố trí kế<br>hoạch vốn để hoàn<br>thành, đưa vào sử dụng<br>trong năm kế hoạch<br>2025 nhưng không<br>được bố trí vốn kế<br>hoạch năm 2026 |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 04 tháng 5 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc cho phép gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án sang năm 2026 đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước không đáp ứng thời gian bố trí vốn theo quy định tại Điều 57 Luật Đầu tư công**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đầu tư công đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ;*

*Xét Tờ trình số 318/TTr-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-KTNS ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Cho phép gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án sang năm 2026 đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước không đáp ứng thời gian bố trí vốn theo quy định tại Điều 57 Luật Đầu tư công.

Cụ thể:

Tổng số dự án gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án sang năm 2026: 26 dự án, trong đó:

- Dự án sử dụng nguồn ngân sách địa phương thuộc quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 57 Luật Đầu tư công: 25 dự án

- Dự án sử dụng nguồn ngân sách Trung ương thuộc quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 57 Luật Đầu tư công: 01 dự án.

*(có Biểu chi tiết số 01, 02 kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ nhất thông qua ngày 04 tháng 5 năm 2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Lò Minh Hùng**

**Biểu số 01**  
**GIA HẠN THỜI GIAN BỐ TRÍ VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN SANG NĂM 2026**  
**ĐỐI DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO QUY ĐỊNH**  
**TẠI ĐIỂM D KHOẢN 3 ĐIỀU 57 LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 04/52026 của HĐND tỉnh)*

| ĐVT: Triệu đồng |                                                                                      |                                                  |            |                                           |                 |                        |                                              |                                         |                                   |                                 |                                                     |         |
|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------|-----------------|------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------|---------|
| STT             | Tên dự án                                                                            | Chủ đầu tư                                       | Nhóm dự án | Quyết định phê duyệt dự án                |                 | Thời gian bố trí       |                                              | Lũy kế vốn giao bố trí đến hết năm 2025 | Lũy kế giải ngân đến hết năm 2025 | Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án | Cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn (đến hết năm) | Ghi chú |
|                 |                                                                                      |                                                  |            | Số, ngày, tháng, năm                      | Tổng mức đầu tư | Năm bắt đầu bố trí vốn | Lũy kế thời gian bố trí vốn đến hết năm 2025 |                                         |                                   |                                 |                                                     |         |
|                 | Tổng số                                                                              |                                                  |            |                                           | 1.993.473       |                        |                                              | 1.294.788                               | 1.219.730                         | 740.251                         |                                                     |         |
| I               | NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ                                                           |                                                  |            |                                           | 1.520.683       |                        |                                              | 997.485                                 | 963.955                           | 536.168                         |                                                     |         |
| 1               | Thoát lũ khu vực Chiềng Sinh về Trung tâm thành phố Sơn La (giai đoạn I)             | Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT | C          | 2647<br>29/10/2021;<br>2904<br>31/12/2024 | 79.782          | 2022                   | 4                                            | 48.551                                  | 48.380                            | 31.231                          | 2026                                                |         |
| 2               | Đường giao thông từ tiểu khu 26/3 xã Cò Nòi đến tiểu khu 10 xã Hát Lót huyện Mai Sơn | UBND xã Mai Sơn                                  | B          | 2841<br>19-11-2021                        | 500.000         | 2021                   | 5                                            | 335.063                                 | 335.063                           | 164.937                         | 2026                                                |         |

| STT | Tên dự án                                                                                                                           | Chủ đầu tư              | Nhóm dự án | Quyết định phê duyệt dự án |                 | Thời gian bố trí       |                                              | Lũy kế vốn giao bố trí đến hết năm 2025 | Lũy kế giải ngân đến hết năm 2025 | Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án | Cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn (đến hết năm) | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------|----------------------------|-----------------|------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                     |                         |            | Số, ngày, tháng, năm       | Tổng mức đầu tư | Năm bắt đầu bố trí vốn | Lũy kế thời gian bố trí vốn đến hết năm 2025 |                                         |                                   |                                 |                                                     |         |
| 3   | Khu di tích lịch sử gốc me nơi thành lập chi bộ đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Sơn La                                                    | UBND xã Mai Sơn         | C          | 2782<br>15/11/2025         | 14.329          | 2022                   | 4                                            | 9.889                                   | 4.697                             | 9.632                           | 2026                                                |         |
| 4   | Đường trục chính đô thị nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La                                                               | UBND phường Mộc Châu    | B          | 3180<br>31/08/2021         | 600.000         | 2021                   | 5                                            | 352.823                                 | 341.560                           | 247.177                         | 2026                                                |         |
| 5   | Hệ thống thoát nước đô thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La                                                                    | UBND phường Thảo Nguyên | C          | 2759<br>11/11/2021         | 50.000          | 2022                   | 4                                            | 26.045                                  | 24.873                            | 16.000                          | 2026                                                |         |
| 6   | Đường từ Quốc lộ 6 qua tiểu khu Vườn Đào thị trấn nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thương Cường xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ | UBND phường Vân Sơn     | C          | 1093<br>31/5/2021          | 44.950          | 2021                   | 5                                            | 29.187                                  | 29.187                            | 15.763                          | 2026                                                |         |
| 7   | Dự án Tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La                                          | UBND phường Chiềng Cơi  | B          | 1051<br>30/5/2021          | 160.000         | 2021                   | 5                                            | 126.839                                 | 126.839                           | 33.161                          | 2026                                                |         |

| STT | Tên dự án                                                                   | Chủ đầu tư                                                                               | Nhóm dự án | Quyết định phê duyệt dự án |                 | Thời gian bố trí       |                                              | Lũy kế vốn giao bố trí đến hết năm 2025 | Lũy kế giải ngân đến hết năm 2025 | Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án | Cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn (đến hết năm) | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------|-----------------|------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                             |                                                                                          |            | Số, ngày, tháng, năm       | Tổng mức đầu tư | Năm bắt đầu bố trí vốn | Lũy kế thời gian bố trí vốn đến hết năm 2025 |                                         |                                   |                                 |                                                     |         |
| 8   | Đường giao thông từ trung tâm xã Chiềng Muôn - xã Chiềng Ân, huyện Mường La | Ban QLDA đầu tư xây dựng Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT | C          | 2817<br>24/11/2021         | 45.000          | 2022                   | 4                                            | 45.000                                  | 29.268                            | 15.732                          | 2026                                                |         |

**Biểu số 02**  
**ĐỀ XUẤT GIA HẠN THỜI GIAN BỐ TRÍ VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN SANG NĂM 2026**  
**ĐỐI VỚI DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO QUY ĐỊNH**  
**TẠI ĐIỂM B KHOẢN 3 ĐIỀU 57 LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 04/5/2026 của HĐND tỉnh)*

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Nội dung                                                              | Chủ đầu tư                                                                    | Nhóm dự án | Quyết định phê duyệt dự án               |                 | Thời gian bố trí       |                                              | Lũy kế vốn giao đến hết năm 2025 | Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2025 | Vốn còn thiếu cần bố trí năm 2026 | Đề nghị gia hạn thời gian bố trí vốn | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------|-----------------|------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|---------|
|     |                                                                       |                                                                               |            | Số, ngày, tháng, năm                     | Tổng mức đầu tư | Năm bắt đầu bố trí vốn | Lũy kế thời gian bố trí vốn đến hết năm 2025 |                                  |                                          |                                   |                                      |         |
|     | Tổng số                                                               |                                                                               |            |                                          | 300.000         |                        |                                              | 218.505                          | 197.083                                  | 102.917                           |                                      |         |
| 1   | Đầu tư xây dựng phát triển Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La | Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT | B          | 2760<br>11/11/2021;<br>1519<br>15/8/2023 | 300.000         | 2022                   | 4                                            | 218.505                          | 197.083                                  | 102.917                           | 2026                                 |         |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 04 tháng 5 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung, hủy bỏ các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
KHOÁ XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;*

*Căn cứ Nghị quyết số 98/2024/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về quy định tiêu chí để quyết định đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Sơn La;*

*Xét Tờ trình số 320/TTr-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-KTNS ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Danh mục điều chỉnh, bổ sung, hủy bỏ các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh năm 2026, như sau:

1. Bổ sung 03 khu đất dự kiến thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nhà ở đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126

của Luật Đất đai năm 2024 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 115/2021/NĐ-CP của Chính phủ (*Chi tiết tại Biểu số 01*).

2. Điều chỉnh thông tin 02 khu đất đã được thông qua tại Nghị quyết số 423/NQ - HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh, cụ thể:

- Điều chỉnh thông tin khu đất thực hiện dự án “*Khu đô thị số 5*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126 của Luật Đất đai năm 2024 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 115/2021/NĐ-CP của Chính phủ từ khu đất thực hiện dự án thành 02 khu đất: (1) *Khu đô thị số 5a*; (2) *Khu đô thị số 5b* (*Chi tiết tại Biểu số 01*).

- Điều chỉnh thông tin khu đất thực hiện dự án “*Dự án cung cấp nước sạch khu trung tâm hành chính, chính trị huyện và tại địa bàn các xã lân cận*” Quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 126 Luật Đất đai 2025 (*Chi tiết tại Biểu số 02*).

3. Hủy bỏ danh mục 17 khu đất đã công khai danh mục khu đất đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nhà ở đầu tư có sử dụng đất (*Chi tiết tại Biểu số 03*).

4. Theo danh mục khu đất trên, thông tin đối với từng dự án sẽ được xác định trong quá trình thực hiện các thủ tục tương ứng với quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện dự án theo pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, pháp luật chuyên ngành có liên quan và phù hợp với điều kiện thực tế khi triển khai các dự án.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ nhất thông qua ngày 04 tháng 5 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua.

**CHỦ TỊCH**

**Lò Minh Hùng**

Biểu số 01

DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT THỰC HIỆN ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN  
ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT THEO ĐIỂM A, KHOẢN 1, ĐIỀU 126 LUẬT ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 04/5/2026 của HĐND tỉnh)

| STT | Địa điểm thực hiện                                                            | Dự kiến tên dự án             | Diện tích (ha) | Dự kiến tiến độ thực hiện công tác đấu thầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Dự kiến phân công tác đấu thầu                                                                                                                                | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| A   | Phê duyệt bổ sung danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư |                               |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                               |         |
| I   | Các dự án theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai             |                               |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                               |         |
| 1   | Phường Mộc Châu                                                               | Khu đô thị và dịch vụ Nà Bó 2 | Khoảng 47,38ha | <div>1. Khu đất chưa giải phóng mặt bằng;<br/>2. Dự án phù hợp với các quy hoạch:<br/>- Quy hoạch tỉnh Sơn La được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023; Điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27/02/2026.<br/>- Quy hoạch chung xây dựng khu du lịch Quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến 2045 được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3467/QĐ-UBND ngày 31/12/2025; Phù hợp với các quy hoạch phân khu: Quy hoạch phân khu số 1 đô thị Mộc Châu được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 10/10/2024, Quy hoạch phân khu số 6 đô thị Mộc Châu được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 10/10/2024.<br/>- Phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Sơn La đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh; Kế hoạch phát triển nhà ở được phê duyệt tại Quyết định số 3469/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh; Chương trình phát</div> | <div>Năm 2026-2027</div> <div>Bước thông tin dự án: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh<br/>Bước đấu thầu: Cơ quan trực thuộc UBND tỉnh hoặc UBND cấp xã</div> |         |

| STT | Địa điểm thực hiện | Dự kiến tên dự án       | Diện tích (ha) | triển đô thị đến năm 2030 tại Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 03/3/2024 của UBND tỉnh.<br>3. Tiêu chí vị trí, khu đất, quỹ đất:<br>Có Phương án đấu nối hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch xây dựng được duyệt: có phương án đấu nối hạ tầng giao thông, đảm bảo hành lang an toàn đường bộ, có phương án đấu nối hạ tầng cấp điện cấp nước để đảm bảo thực hiện dự án; Khu đất đảm bảo liền khoảnh, liền thửa theo quy hoạch xây dựng được duyệt, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Dự kiến tiến độ thực hiện công tác đấu thầu | Dự kiến phân công tác đấu thầu                                                                                           | Ghi chú |
|-----|--------------------|-------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 2   | Phường Mộc Châu    | Khu đô thị tổ dân phố 5 | khoảng 10ha    | 1. Dự án chưa giải phóng mặt bằng;<br>2. Dự án phù hợp với các quy hoạch:<br>- Quy hoạch tỉnh Sơn La được thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023; Điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27/02/2026.<br>- Quy hoạch chung khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2045 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3467/QĐ-UBND ngày 31/12/2025; Phù hợp với Quy hoạch phân khu số 1 đô thị Mộc Châu được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 10/10/2024.<br>- Phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Sơn La đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh; Kế hoạch phát triển nhà ở được phê duyệt tại Quyết định số 3469/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh; Chương trình phát triển đô thị đến năm 2030 tại Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày | Năm 2026-2027                               | Bước thông tin dự án: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh<br>Bước đấu thầu: Cơ quan trực thuộc UBND tỉnh hoặc UBND cấp xã |         |

| STT | Địa điểm thực hiện | Dự kiến tên dự án                           | Diện tích (ha) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Dự kiến tiến độ thực hiện công tác đấu thầu | Dự kiến phân công tác đấu thầu                                                                                           | Ghi chú |
|-----|--------------------|---------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                    |                                             |                | 03/3/2024 của UBND tỉnh.<br>3. Tiêu chí vị trí, khu đất, quỹ đất:<br>Có Phương án đấu nối hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch xây dựng được duyệt: có phương án đấu nối hạ tầng giao thông, đảm bảo hành lang an toàn đường bộ, có phương án đấu nối hạ tầng cấp điện cấp nước để đảm bảo thực hiện dự án; Khu đất đảm bảo liên hoàn, liền thửa theo quy hoạch xây dựng được duyệt, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                             |                                                                                                                          |         |
| 3   | Phường Thào Nguyên | Khu đô thị biệt thự nhà vườn sinh thái số 3 | 46,2           | 1. Đất chưa giải phóng mặt bằng;<br>2. Dự án phù hợp với:<br>- Quy hoạch tỉnh Sơn La được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023; Điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27/02/2026.<br>- Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2045 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3467/QĐ-UBND ngày 31/12/2025; Quy hoạch phân khu số 4 đô thị Mộc Châu được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 10/10/2024.<br>- Chương trình và Kế hoạch phát triển Nhà ở đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 và Quyết định số 3469/QĐ-UBND ngày 31/12/2025; Chương trình phát triển đô thị đến năm 2030 tại Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 03/3/2024 của UBND tỉnh. | Năm<br>2026-2027                            | Bước thông tin dự án: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh<br>Bước đấu thầu: Cơ quan trực thuộc UBND tỉnh hoặc UBND cấp xã |         |

| STT | Địa điểm thực hiện                                                                                         | Dự kiến tên dự án | Diện tích (ha) |  | Dự kiến tiến độ thực hiện công tác đấu thầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Dự kiến phân công tác đấu thầu | Ghi chú                                                                                                                  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                            |                   |                |  | 3. Tiêu chí vị trí, khu đất, quỹ đất: có phương án đấu nối hạ tầng giao thông, đảm bảo hành lang an toàn đường bộ, có phương án đấu nối hạ tầng cấp điện cấp nước để đảm bảo thực hiện dự án; Khu đất đảm bảo liền khoảnh, liền thửa theo quy hoạch xây dựng được duyệt, đồng bộ về hạng tăng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy định: Dự án nằm thuộc quy hoạch phân khu đã được tính toán đảm bảo đấu nối hạ tầng giao thông, phạm vi dự án đảm bảo đấu nối hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông đường bộ theo quy hoạch. Khu đất liền khoảnh, liền thửa.                                                                                                                                                                                                                               |                                |                                                                                                                          |
| B   | Điều chỉnh thông tin các khu đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 423/NQ-HDND ngày 05/12/2024 |                   |                |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                |                                                                                                                          |
| 1   | Xã Vân Hồ                                                                                                  | Khu đô thị số 5a  | 16,43ha        |  | <div>1. Đất chưa giải phóng mặt bằng;<br/>- Dự án phù hợp với:<br/>- Quy hoạch tỉnh Sơn La và phê duyệt bởi Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023; được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27/02/2026<br/>- Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2045 được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3467/QĐ-UBND ngày 31/12/2025<br/>- Quy hoạch phân khu xây dựng được phê duyệt tại các Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 27/4/2024, số 46/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh (có phương án đấu nối hạ tầng)<br/>- Chương trình và Kế hoạch phát triển Nhà ở đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 và Quyết định số</div> | Năm 2026-2027                  | Bước thông tin dự án: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh<br>Bước đấu thầu: Cơ quan trực thuộc UBND tỉnh hoặc UBND cấp xã |

| STT | Địa điểm thực hiện | Dự kiến tên dự án | Diện tích (ha) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Dự kiến tiến độ thực hiện công tác đấu thầu | Dự kiến phân công thực hiện công tác đấu thầu                                                                            | Ghi chú |
|-----|--------------------|-------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                    |                   |                | 3469/QĐ-UBND ngày 31/12/2025; Chương trình phát triển đô thị đến năm 2030 tại Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 03/3/2024 của UBND tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                             |                                                                                                                          |         |
| 2   | Xã Vân Hồ          | Khu đô thị số 5b  | 21,08ha        | <p>1. Đất chưa giải phóng mặt bằng;</p> <p>- Dự án phù hợp với:</p> <p>- Quy hoạch tỉnh Sơn La và phê duyệt bởi Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023; được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27/02/2026.</p> <p>- Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2045 được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3467/QĐ-UBND ngày 31/12/2025.</p> <p>- Quy hoạch phân khu xây dựng được phê duyệt tại các Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 27/4/2024, số 46/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh (có phương án đấu nối hạ tầng)</p> <p>- Chương trình và Kế hoạch phát triển Nhà ở đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 và Quyết định số 3469/QĐ-UBND ngày 31/12/2025; Chương trình phát triển đô thị đến năm 2030 tại Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 03/3/2024 của UBND tỉnh.</p> | Năm 2026-2027                               | Bước thông tin dự án: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh<br>Bước đấu thầu: Cơ quan trực thuộc UBND tỉnh hoặc UBND cấp xã |         |

**Biểu số 02**  
**DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT THỰC HIỆN ĐẦU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ**  
**CÓ SỬ DỤNG ĐẤT THEO ĐIỂM B, KHOẢN 1, ĐIỀU 126 LUẬT ĐẤT DẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2026**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 04/5/2026 của HĐND tỉnh)*

| STT | Địa điểm thực hiện                                                                                         | Dự kiến tên dự án                                                   | Diện tích (ha) | Thông tin về hiện trạng khu đất theo đề nghị của đơn vị đề xuất danh mục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Dự kiến tiến độ thực hiện công tác đấu thầu | Dự kiến phân công thực hiện công tác đấu thầu                                                                            | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| A   | Điều chỉnh thông tin các khu đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 423/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 |                                                                     |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                             |                                                                                                                          |         |
| 1   | Xã Vân Hồ                                                                                                  | Dự án cấp nước sinh hoạt tại trung tâm xã Vân Hồ và khu vực lân cận | 2              | 1. Đất chưa giải phóng mặt bằng;<br>2. Dự án phù hợp với:<br>- Quy hoạch tỉnh Sơn La và phê duyệt bởi Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023; được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27/02/2026<br>- Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2045 được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3467/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 | 2026<br>-<br>2027                           | Bước thông tin dự án: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh<br>Bước đấu thầu: Cơ quan trực thuộc UBND tỉnh hoặc UBND cấp xã |         |

| STT | Địa điểm thực hiện | Dự kiến tên dự án | Diện tích (ha) | Thông tin về hiện trạng khu đất theo đề nghị của đơn vị đề xuất danh mục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Dự kiến tiến độ thực hiện công tác đấu thầu | Dự kiến phân công thực hiện công tác đấu thầu | Ghi chú |
|-----|--------------------|-------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
|     |                    |                   |                | <div>- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của tỉnh Sơn La, đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 03/8/2022</div> <div>- Quy hoạch phân khu xây dựng được phê duyệt tại quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 27/4/2024 của UBND tỉnh (có phương án đấu nối hạ tầng)</div> <div>Chương trình phát triển đô thị đến năm 2030 tại Quyết định số 383/QĐ - UBND ngày 03/3/2024 của UBND tỉnh.</div> |                                             |                                               |         |

**Biểu số 03**  
**DANH MỤC HỦY BỎ CÁC KHU ĐẤT THỰC HIỆN ĐẦU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 04/5/2026 của HĐND tỉnh)

| STT      | Địa điểm thực hiện                                                               | Dự kiến tên dự án          | Diện tích (ha)  | Ghi chú                                     |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------|---------------------------------------------|
| (1)      | (2)                                                                              | (4)                        | (5)             | (9)                                         |
| <b>I</b> | <b>Hủy bỏ thông tin 15 khu đất tại Nghị quyết số 563/NQ- HĐND ngày 20/9/2025</b> |                            |                 |                                             |
| 1        | Xã Mai Sơn                                                                       | Điện mặt trời Mai Sơn 01   | 50              | Tại số thứ tự số 1 phần A biểu số 02        |
| 2        | Xã Mai Sơn                                                                       | Điện mặt trời Mai Sơn 02   | 60              | Tại số thứ tự số 2 phần A biểu số 02        |
| 3        | Xã Chiềng Sung                                                                   | Điện mặt trời Mai Sơn 08   | 117,2           | Tại số thứ tự số 5 phần A biểu số 02        |
| 4        | Xã Chiềng Sung                                                                   | Điện mặt trời Mai Sơn 09   | 96              | Tại số thứ tự số 6 phần A biểu số 02        |
| 5        | Xã Mường La                                                                      | Điện mặt trời Mường La 01  | 71(198,13)      | Tại số thứ tự số 7 phần A biểu số 02        |
| 6        | Xã Mường La                                                                      | Điện mặt trời Mường La 02  | 127,13 (198,13) | Tại số thứ tự số 8 phần A biểu số 02        |
| 7        | Xã Huổi Một                                                                      | Điện mặt trời Sông Mã 3    | 70              | Tại số thứ tự số 9 phần A biểu số 02        |
| 8        | Xã Tà Hộc và xã Chiềng Sung                                                      | Điện gió Mai Sơn           | 44,8            | Tại số thứ tự số 10 phần A biểu số 02       |
| 9        | Xã Tạ Khoa                                                                       | Điện gió Bắc Yên 1         | 31,8            | Tại số thứ tự số 11 phần A biểu số 02       |
| 10       | Xã Nậm Ty                                                                        | Thủy điện Nậm Ty           | 29              | Tại số thứ tự số 3 mục I phần B biểu số 02  |
| 11       | Xã Tà Xùa                                                                        | Thủy điện Suối Bé          | 34              | Tại số thứ tự số 4 mục I phần B biểu số 02  |
| 12       | Xã Tà Xùa và xã Xím Vàng                                                         | Thủy Điện Xím Vàng         | 14              | Tại số thứ tự số 5 mục I phần B biểu số 02  |
| 13       | Xã Tà Xùa và xã Xím Vàng                                                         | Điện gió Tà Xùa Bắc Yên    | 16,53           | Tại số thứ tự số 6 mục II phần B biểu số 02 |
| 14       | Xã Bắc Yên                                                                       | Điện gió Hồng Ngài Bắc Yên | 32,05           | Tại số thứ tự số 7 mục II phần B biểu số 02 |

| STT       | Địa điểm thực hiện                                                              | Dự kiến tên dự án         | Diện tích (ha) | Ghi chú                                     |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------|---------------------------------------------|
| (1)       | (2)                                                                             | (4)                       | (5)            | (9)                                         |
| 15        | Xã Tạ Khoa và xã Chiềng Sại                                                     | Điện gió Thiên Vũ Bắc Yên | 29,8           | tại số thứ tự số 8 mục II phần B biểu số 02 |
| <b>II</b> | <b>Hủy bỏ thông tin khu đất tại Nghị quyết số 582/NQ – HĐND ngày 21/11/2025</b> |                           |                |                                             |
| 1         | Xã Kim Bôn và xã Gia Phù                                                        | Điện gió Phù Yên          | 55             | Tại số thứ tự số 1 mục I phần A biểu số 01  |
| 2         | Xã Phù Yên, Mường Cơi                                                           | Điện gió Risen Phù Yên    | 46,4           | tại số thứ tự số 2 mục I phần A biểu số 01  |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 04 tháng 5 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc sửa đổi Nghị quyết số 595/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của  
HĐND tỉnh về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Sơn La năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ  
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 278/TTr-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh;  
Báo cáo thẩm tra số 31/BC-KTNS ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế -  
Ngân sách của HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 595/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh như sau: “đ) Đối với một số khoản chi chưa phân bổ chi tiết: UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ chi tiết phù hợp với nội dung, lĩnh vực chi ngân sách; quyết định phân bổ, giao dự toán chi và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 7 Điều 32 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.”

**Điều 2.** Các nội dung khác không sửa đổi, thực hiện theo Nghị quyết số 595/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XVI, kỳ họp chuyên đề thứ nhất thông qua ngày 04 tháng 5 năm 2026./.

**CHỦ TỊCH**

**Lò Minh Hùng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 04 tháng 5 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026**  
**nguồn thu tiền sử dụng đất**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**  
**KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm /2025 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2026;*

*Xét Tờ trình số 317/TTr-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-KTNS ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn thu tiền sử dụng đất, như sau:

1. Tổng vốn phân bổ: 86.280 triệu đồng.
2. Phương án phân bổ

Phân bổ 86.280 triệu đồng thực hiện 15 dự án thuộc kế hoạch đầu tư công nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh.

*(có Biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XVI, Kỳ họp Chuyên đề thứ nhất thông qua ngày 04 tháng 5 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Lò Minh Hùng**

# PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 04/5/2026 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Danh mục dự án                                                                                                                      | Chủ đầu tư          | Quyết định phê duyệt dự án |                    |                      | Lũy kế khối lượng hoàn thành | Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết năm 10/4/2026 | Kế hoạch năm 2026 nguồn thu tiền sử dụng đất | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------|--------------------|----------------------|------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
|    |                                                                                                                                     |                     | Tổng mức đầu tư            |                    | Số, ngày, tháng, năm |                              |                                               |                                              |         |
|    |                                                                                                                                     |                     | Tổng số                    | TĐ: Ngân sách tỉnh |                      |                              |                                               |                                              |         |
|    | Tổng số                                                                                                                             |                     |                            | 1.401.108          | 966.497              | 947.544                      | 949.117                                       | 86.280                                       |         |
| I  | Dự án có nhu cầu bồi thường giải phóng mặt bằng                                                                                     |                     |                            | 821.780            | 485.273              | 535.875                      | 542.203                                       | 34.871                                       |         |
| 1  | Đường từ Quốc lộ 6 qua tiểu khu Vườn Đào thị trấn nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thuông Cuông xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ | UBND phường Vân Sơn | 2508<br>24/11/2023         | 44.950             | 44.950               | 29.187                       | 29.187                                        | 4.000                                        |         |
| 2  | Hạ tầng khu đầu giá đường Quốc lộ 6 vào trường THPT Tháo Nguyên, thị trấn Nông trường Mộc Châu                                      | UBND phường Vân Sơn | 2820<br>07/11/2024         | 29.000             | 29.000               | 10.999                       | 10.999                                        | 6.600                                        |         |
| 3  | Trụ sở các cơ quan Chính trị - Hành chính huyện Mai Sơn                                                                             | UBND xã Mai Sơn     | 1751<br>16/08/2018         | 185.590            | 185.590              | 132.387                      | 132.387                                       | 1.081                                        |         |
| 4  | Đường giao thông từ Tiểu khu 26/3, xã Cò Nòi đến Tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn                                             | UBND xã Mai Sơn     | 2841<br>19/11/2021         | 500.000            | 172.933              | 335.063                      | 335.063                                       | 6.400                                        |         |

| TT        | Danh mục dự án                                                                                              | Chủ đầu tư                                                                   | Quyết định phê duyệt dự án |                 |                    | Lũy kế khối lượng hoàn thành | Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết năm 10/4/2026 | Kế hoạch năm 2026 nguồn thu tiền sử dụng đất | Ghi chú |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------|--------------------|------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
|           |                                                                                                             |                                                                              | Số, ngày, tháng, năm       | Tổng mức đầu tư | TĐ: Ngân sách tỉnh |                              |                                               |                                              |         |
|           |                                                                                                             |                                                                              |                            | Tổng số         |                    |                              |                                               |                                              |         |
| 5         | Dự án Đường từ bản Huổi Siêu - bản Na Pản kết nối đến Trung tâm xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La | UBND xã Yên Châu                                                             | 2799<br>10/11/2025         | 31.240          | 21.800             | 11.240                       | 11.240                                        | 10.000                                       |         |
| 6         | Mở rộng khu dân cư mới phường Quyết Thắng                                                                   | UBND phường Tô Hiệu                                                          | 2505<br>07/11/2024         | 31.000          | 31.000             | 16.999                       | 23.328                                        | 6.790                                        |         |
| <b>II</b> | <b>Dự án hoàn thành còn thiếu vốn</b>                                                                       |                                                                              |                            | <b>208.900</b>  | <b>129.642</b>     | <b>201.117</b>               | <b>196.258</b>                                | <b>4.859</b>                                 |         |
| 1         | Dự án Đầu tư xây dựng cửa khẩu chính Lóng Sập tỉnh Sơn La thành cửa khẩu quốc tế                            | Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng                                                | 2755<br>24/12/2024         | 83.000          | 3.742              | 79.354                       | 79.258                                        | 96                                           |         |
| 2         | Kè chống sạt lở trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp                                                          | Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT | 1939<br>28/9/2023          | 118.800         | 118.800            | 114.663                      | 113.000                                       | 1.663                                        |         |
| 3         | Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, Trường THCS Hua La và mua sắm thiết bị cho các trường                           | UBND phường Chiềng Cơi                                                       | 3191<br>11/12/2025         | 7.100           | 7.100              | 7.100                        | 4.000                                         | 3.100                                        |         |

| TT  | Danh mục dự án                                                                                                                         | Chủ đầu tư             | Quyết định phê duyệt dự án             |                 |                    | Lũy kế khối lượng hoàn thành | Lũy kế kế hoạch đã giao đến hết năm 10/4/2026 | Kế hoạch năm 2026 nguồn thu tiền sử dụng đất | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------|-----------------|--------------------|------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                        |                        | Số, ngày, tháng, năm                   | Tổng mức đầu tư | TĐ: Ngân sách tỉnh |                              |                                               |                                              |         |
|     |                                                                                                                                        |                        |                                        | Tổng số         |                    |                              |                                               |                                              |         |
| III | Dự án có tiến độ tốt có thể giải ngân thanh toán ngay                                                                                  |                        |                                        | 370.428         | 351.582            | 210.553                      | 210.655                                       | 46.550                                       |         |
| 1   | Dự án Tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đăng Ninh, thành phố Sơn La                                                          | UBND phường Chiềng Cơi | 1051<br>30/5/2021                      | 160.000         | 160.000            | 114.158                      | 114.158                                       | 12.150                                       |         |
| 2   | Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 105 (đoạn Km 55 + 600 - Km60 + 343) huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La                                      | UBND xã Mường Lèo      | 277<br>25/12/2024                      | 24.800          | 24.800             | 15.000                       | 15.000                                        | 4.900                                        |         |
| 3   | Dự án Nhà thi đấu đa năng trung tâm huyện Quỳnh Nhai                                                                                   | UBND xã Quỳnh Nhai     | 523<br>06/3/2025;<br>188<br>23/01/2026 | 21.000          | 21.000             | 3.997                        | 4.100                                         | 8.000                                        |         |
| 4   | Dự án Đầu tư cứng hóa đường giao thông từ bản Bua Hin - Trung tâm xã Mường Hung, huyện Sông Mã                                         | UBND xã Mường Hung     | 2016<br>26/9/2024;<br>647<br>10/3/2026 | 34.846          | 16.000             | 18.846                       | 18.846                                        | 8.000                                        |         |
| 5   | Dự án Đường nội thị dọc Kè suối Muội, hệ thống thoát lũ và các hạng mục phụ trợ tại thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La | UBND xã Thuận Châu     | 1113<br>14/5/2025                      | 50.000          | 50.000             | 10.000                       | 10.000                                        | 7.000                                        |         |

| TT | Danh mục dự án                                                              | Chủ đầu tư                                                                      | Quyết định phê duyệt dự án |                 |                          | Lũy kế<br>khối<br>lượng<br>hoàn<br>thành | Lũy kế<br>kế hoạch<br>đã giao<br>đến hết<br>năm<br>10/4/2026 | Kế hoạch<br>năm<br>2026<br>nguồn<br>thu tiền<br>sử dụng<br>đất | Ghi<br>chú |
|----|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------|--------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------|
|    |                                                                             |                                                                                 | Số, ngày,<br>tháng,<br>năm | Tổng mức đầu tư |                          |                                          |                                                              |                                                                |            |
|    |                                                                             |                                                                                 |                            | Tổng số         | TĐ:<br>Ngân<br>sách tỉnh |                                          |                                                              |                                                                |            |
| 6  | Thoát lũ khu vực Chiềng Sinh về Trung tâm<br>thành phố Sơn La (giai đoạn I) | Ban QLDA<br>ĐTXD các<br>công trình<br>nông nghiệp<br>và phát triển<br>nông thôn | 2647<br>29/10/2021         | 79.782          | 79.782                   | 48.551                                   | 48.551                                                       | 6.500                                                          |            |

---

## **VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA**

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND  
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Chiềng Cơi,  
tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: [congbaosonla@gmail.com](mailto:congbaosonla@gmail.com)